

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2025/ DS-ST

Ngày: 26 – 6 - 2025

V/v: Kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Tuấn Anh, bà Nguyễn Thị Bạ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Phan – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk: Bà Nguyễn Thị Diệu Linh – chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2025/TLST-DS, ngày 04 tháng 3 năm 2025, về việc “*Kiện đòi tài sản*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 05 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 119/2025/QĐST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Kim T, bà Đoàn Thị N

Địa chỉ: 3 H, phường T, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Bích C (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: A G, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

- Bị đơn: Bà Lê Vũ Thị Thùy T1 (Vắng mặt)

Địa chỉ: 3 V, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Kim H

Địa chỉ: 3 H, phường T, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Bích C (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: A G, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại bản tự khai, Biên bản hòa giải, Đơn đề nghị vắng mặt - Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Bà Lê Vũ Thị Thùy T1 là em dâu của ông Nguyễn Kim T và bà Đoàn Thị N, do cần tiền để giải quyết công việc nên bà T1 có hỏi vay vợ chồng ông T bà N một số tiền để làm ăn. Vì là anh em trong gia đình nên ông T bà N cũng muốn giúp đỡ bà T1, do đó từ tháng 01 năm 2022

đến tháng 04 năm 2022 ông T bà N có cho bà T1 vay nhiều lần với tổng số tiền là 2.090.000.000 đồng (Hai tỷ không trăm chín mươi triệu đồng). Do tin tưởng nhau nên việc vay mượn các bên chỉ thỏa thuận miệng chứ không lập giấy tờ vay nợ, lãi suất các bên thỏa thuận là 2%/tháng và bà T1 hẹn đến tháng 6 năm 2022 sẽ trả nợ cho ông T bà N.

Số tiền ông T bà N cho bà T1 vay được chuyển nhiều lần vào số tài khoản 63110000186121, Ngân hàng TMCP Đ, chủ tài khoản: LE VU THI THUY TRANG. Cụ thể như sau:

- Ngày 21/01/2022 số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng),
- Ngày 24/01/2022 số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng),
- Ngày 28/01/2022 số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng),
- Ngày 29/01/2022 số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng),
- Ngày 16/03/2022 số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng),
- Ngày 23/03/2022 số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng),
- Ngày 19/04/2022 số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng),
- Ngày 28/03/2022 số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng),
- Ngày 04/04/2022 số tiền 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng),
- Ngày 12/04/2022 số tiền 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Trong đó, vào ngày 21/01/2022 và ngày 24/01/2022 ông T bà N có nhờ con trai là ông Nguyễn Kim H chuyển khoản cho bà T1 vay tổng số tiền là 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng) từ số tài khoản 19032295050012, Ngân hàng TMCP K, chủ tài khoản: NGUYEN KIM HOANG. Số tiền còn lại được chuyển từ tài khoản của vợ chồng ông T bà N là Nguyễn Kim T và Đoàn Thị N sang số tài khoản của bà T1.

Đến hạn trả nợ, mặc dù ông T bà N nhiều lần yêu cầu bà T1 trả nợ nhưng bà T1 hết lần này đến lần khác khất nợ. Đến ngày 08/09/2022, bà T1 đã chuyển trả cho ông T bà N số tiền 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) qua số tài khoản 0570127382008, Ngân hàng TMCP Q mang tên Nguyễn Kim T.

Số tiền 1.590.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm chín mươi triệu đồng) còn lại thì bà T1 hẹn sẽ sớm trả cho ông T bà N. Tuy nhiên, kể từ đó cho đến nay mặc dù vợ chồng ông T bà N đã nhiều lần liên hệ bà T1 để yêu cầu bà T1 trả số tiền 1.590.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm chín mươi triệu đồng) nhưng bà T1 không chịu trả nợ mà cố tình né tránh, đưa ra nhiều lý do để không trả nợ. Đến nay, việc đòi nợ đến vẫn không có kết quả. Ông T bà N khởi kiện.

Nay với tư cách là người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Kim T và bà Đoàn Thị N. Kính đề nghị Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tuyên buộc bà Lê Vũ Thị Thùy T1 phải trả cho ông Nguyễn Kim T và bà Đoàn Thị N số tiền 1.590.000.000 đồng (Một tỷ năm trăm chín mươi triệu đồng) và lãi suất phát sinh 10%/năm kể từ ngày thụ lý vụ án ngày 04/3/2025 tạm tính đến ngày 26/6/2025 là 50.095.890 đồng và lãi suất cho đến khi bà T1 hoàn tất việc trả nợ cho vợ chồng ông T bà N. Phía nguyên đơn xác định khoản vay trên là khoản vay cá nhân của bà T1 không liên quan tới ai khác.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Nguyễn Kim H là con của ông Nguyễn Kim T và bà Đoàn Thị N. Bà Lê Vũ Thị Thùy T1 là thím của ông H. Vào ngày 21/01/2022 và ngày 24/01/2022, ông T, bà N có nhờ ông H chuyển vào số tài khoản của bà T1 giúp cho ông T số tiền: 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng) từ số tài khoản 19032295050012, Ngân hàng TMCP K, chủ tài khoản: NGUYEN KIM HOANG vào số tài khoản 63110000186121, Ngân hàng TMCP Đ, chủ tài khoản: LE VU THI THUY TRANG. Mục đích là ông T bà N cho bà T1 vay. Đến hạn trả nợ, mặc dù ông T bà N nhiều lần yêu cầu bà T1 trả nợ nhưng bà T1 hết lần này đến lần khác khất nợ. Ông T bà N khởi kiện. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông H không có ý kiến gì đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột:
Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến nay thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị N, ông Nguyễn Kim T. Buộc bà Lê Vũ Thị Thùy T1 có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Kim T, bà Đoàn Thị N số tiền 1.590.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết kiện đòi tài sản. Bị đơn bà Lê Vũ Thị Thùy T1 cư trú tại phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bị đơn

[2] Về nội dung vụ án:

Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị N, ông Nguyễn Kim T đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Lê Vũ Thị Thùy T1 có trách nhiệm trả số tiền 1.590.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất.

[2.1] Về nợ gốc: Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện nguyên đơn cung cấp bản sao kê giao dịch tài khoản thể hiện nguyên đơn đã chuyển khoản thông qua số tài khoản 63110000186121 của bà Lê Vũ Thị Thùy T1 được mở tại Ngân hàng thương mại cổ phần Đ với số tiền 2.090.000.000 đồng. Tại công văn số

403/BIDV.DL-QLRR ngày 01/4/2025 của ngân hàng thương mại cổ phần Đ xác định số tài khoản 63110000186121 là của bà Lê Vũ Thị Thùy T1.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lê Vũ Thị Thùy T1 vắng mặt không có ý kiến gì về nội dung vụ án. Hơn nữa, theo chứng cứ do nguyên đơn xuất trình là sao kê giao dịch tài khoản số 0670127382008 của ông Nguyễn Kim T thể hiện tại nội dung chi tiết các ngày 28/03/2022 chuyển số tiền 500.000.000 đồng; Ngày 04/04/2022 chuyển số tiền 1.000.000.000 đồng; ngày 12/04/2022 chuyển số tiền 150.000.000 đồng. Tổng số tiền ông T chuyển cho bà T1 là 1.650.000.000 đồng.

Theo chi tiết sao kê giao dịch tài khoản số 3120205918514 của bà Đoàn Thị N thể hiện các ngày 28/01/2022 chuyển số tiền 100.000.000 đồng; ngày 29/01/2022 chuyển số tiền 20.000.000 đồng; Ngày 16/03/2022 chuyển số tiền 80.000.000 đồng; Ngày 23/03/2022 chuyển số tiền 30.000.000 đồng; Ngày 19/04/2022 chuyển số tiền 100.000.000 đồng. Tổng số tiền bà N chuyển cho bà T1 là 330.000.000 đồng

Theo chi tiết sao kê giao dịch tài khoản số 19032295050012 của Nguyễn Kim H thể hiện ngày 21/01/2022 chuyển số tiền 100.000.000 đồng; Ngày 24/01/2022 chuyển số tiền 10.000.000 đồng. Tổng số tiền ông H chuyển cho bà T1 là 110.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án ông H khẳng định số tiền ông H chuyển cho bà T1 là ông T và bà N nhờ chuyển chứ không liên quan gì tới ông H.

Do đó, có đủ căn cứ để xác định bà T1 vay của bà N, ông T tổng số tiền 1.650.000.000 đồng + 330.000.000 đồng + 110.000.000 đồng = 2.090.000.000 đồng.

Phía nguyên đơn cho rằng bà T1 đã thanh toán được số tiền 500.000.000 đồng còn nợ lại 1.590.000.000 đồng. Như vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà T1 có nghĩa vụ thanh toán số nợ gốc trên là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất: Nguyên đơn bà Đoàn Thị N, ông Nguyễn Kim T yêu cầu tính lãi suất từ ngày 04/3/2025 cho đến ngày 26/6/2025 với mức lãi suất 10%/ năm là phù hợp với Điều 466 Bộ luật dân sự nên cần chấp nhận, cụ thể:

Ngày 04/3/2025 cho đến ngày 26/6/2025 là 115 ngày x 10%/năm x 1.590.000.000 đồng = 50.095.890 đồng

Từ những phân tích trên cần buộc bà Lê Vũ Thị Thùy T1 có nghĩa vụ trả cho bà Đoàn Thị N, ông Nguyễn Kim T tổng số tiền 1.590.000.000 đồng + 50.095.890 đồng = 1.640.095.890 đồng

[3] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Bị đơn bà Lê Vũ Thị Thùy T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 36.000.000 đồng x 2% (1.640.095.890 đồng – 800.000.000 đồng) = 52.802.000 đồng (làm tròn)

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị N, ông Nguyễn Kim T

Buộc bà Lê Vũ Thị Thùy T1 có nghĩa vụ trả cho bà Đoàn Thị N, ông Nguyễn Kim T tổng số tiền 1.640.095.890 đồng (*Một tỷ sáu trăm bốn mươi triệu không trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm chín mươi đồng*), trong đó 1.590.000.000 đồng nợ gốc và 50.095.890 đồng tiền lãi suất tính đến ngày 26/6/2025.

Kể từ ngày 27/6/2025 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; trường hợp không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Vũ Thị Thùy T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 52.802.000 đồng

Bà Đoàn Thị N, ông Nguyễn Kim T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm được nhận lại số tiền 29.850.000 đồng tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0000817 ngày 14/02/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- P. NVKT&THA TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hoài Trang

